

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - E
TỈNH E**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HS-ST.

Ngày 11-7-2025.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - E

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Lê Lân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thanh Long.

2. Bà Nguyễn Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Hoài Thư – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - E.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - E tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Xuân Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - E xét xử sơ thẩm công khai trực tiếp vụ án hình sự thụ lý số: 06/2025/TLST-HS, ngày 19 tháng 02 năm 2025 theo các Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 5 năm 2025 và số 29/2025/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 6 năm 2025, các Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2025/HSST-QĐ ngày 02 tháng 6 năm 2025 và số 21/2025/HSST-QĐ ngày 26 tháng 6 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Võ A**, tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 23 tháng 7 năm 1996; CCCD số: 052096006565, ngày cấp: 24/5/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi cư trú: Thôn F, xã G, tỉnh E; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Võ A1 (sinh năm 1961) và bà: Nguyễn Thị A2 (sinh năm 1963); vợ: Võ Thị A3 (sinh năm 1993); con: 02 người, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 18/3/2016, bị Công an huyện H, tỉnh K xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Phân Trại tạm giam khu vực H thuộc

Trại tạm giam Công an tỉnh K (nay là Phân Trại tạm giam khu vực H thuộc Trại tạm giam số 2 - Công an tỉnh E) từ ngày 27/9/2024 cho đến nay (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

2. Họ và tên: **Phan Văn B**, tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 05 tháng 8 năm 2002; CCCD số: 052202004039, ngày cấp: 18/3/2023, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi cư trú: Thôn J, xã L, tỉnh E; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Phan Văn B1 (sinh năm 1977) và bà: Bùi Thị B2 (sinh năm 1977); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đầu thú và bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Phân Trại tạm giam khu vực H thuộc Trại tạm giam Công an tỉnh K (nay là Phân Trại tạm giam khu vực H thuộc Trại tạm giam số 2 - Công an tỉnh E) từ ngày 06/11/2024 cho đến nay (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

3. Họ và tên: **Phan Minh C**, tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 22 tháng 12 năm 1985; CCCD số: 052085001476, ngày cấp: 22/4/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi cư trú: Thôn Q, xã G, tỉnh E; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Phan Trường C1 (sinh năm 1966) và bà: Phạm Thị Hồng C2 (sinh năm 1966); vợ: Nguyễn Thanh C3 (sinh năm 1991); con: 02 người, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 10/02/2009, bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh K xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 tại Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2009/HS-ST, đã chấp hành xong bản án và được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Phân Trại tạm giam khu vực H thuộc Trại tạm giam Công an tỉnh K (nay là Phân Trại tạm giam khu vực H thuộc Trại tạm giam số 2 - Công an tỉnh E) từ ngày 08/9/2024 cho đến nay (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

4. Họ và tên: **Trần Ngọc D**, tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 20 tháng 3 năm 1991; CCCD số: 052091013707, ngày cấp: 28/6/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi cư trú: Thôn Q, xã G, tỉnh E; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Trần Ngọc D1 (sinh năm 1948) và bà: Nguyễn Thị D2 (sinh năm 1957, đã chết); vợ: Bùi Thị Hồng D3 (sinh năm

1996, đã ly hôn); con: 01 người, sinh năm 2016; tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 21/6/2024, bị Công an xã W, huyện H, tỉnh K xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi: Sử dụng trái phép chất ma túy. Đã chấp hành xong quyết định xử phạt ngày 24/6/2024, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Phân Trại tạm giam khu vực H thuộc Trại tạm giam Công an tỉnh K (nay là Phân Trại tạm giam khu vực H thuộc Trại tạm giam số 2 - Công an tỉnh E) từ ngày 08/9/2024 cho đến nay (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

** Người bào chữa cho bị cáo Trần Ngọc D:*

Bà Phan Thị Ngọc R – Sinh năm: 1988 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Y; địa chỉ: Số 469 Y2, phường Y, tỉnh E (có mặt).

** Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Đ – Sinh năm: 1983; nơi cư trú: Thôn Đ1, xã G, tỉnh E (có mặt).

2. Chị Nguyễn Thị Z – Sinh năm: 1990; nơi cư trú: Thôn 3, phường Z1, tỉnh E (vắng mặt).

3. Bà Huỳnh Thị V – Sinh năm: 1965; nơi cư trú: Thôn F, xã G, tỉnh E (vắng mặt).

4. Anh Hà Huy Z2 – Sinh năm: 2002; nơi cư trú: Thôn J, xã L, tỉnh E (vắng mặt).

5. Anh Phan Đình Đ2 – Sinh năm: 1997; nơi cư trú: Khu phố Z3, xã Z4, tỉnh E (vắng mặt).

6. Anh Lương Văn Đ3 – Sinh năm: 2000; nơi cư trú: Thôn Z5, xã L, tỉnh E (vắng mặt).

7. Chị Lê Thị V1 – Sinh năm: 2002; nơi cư trú: Thôn Đ1, xã G, tỉnh E (vắng mặt).

8. Anh Trần Văn V2 – Sinh năm: 2000; nơi cư trú: Thôn Đ4, phường Đ5, tỉnh E (vắng mặt).

9. Anh Nguyễn Minh V3 – Sinh năm: 2002; nơi cư trú: Thôn Đ6, xã L, tỉnh E (vắng mặt).

10. Anh Nguyễn V4 – Sinh năm: 2003; nơi cư trú: Thôn Đ7, xã G, tỉnh E

(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 06 tháng 9 năm 2024, Phan Minh C (sinh năm 1985) và Nguyễn Thị Z (bạn gái của C, sinh năm 1990) đến nhà nghỉ Tứ Hải (ở thôn F, xã C4, huyện H, tỉnh K nay là thôn F, xã G, tỉnh E) thuê phòng số 2 để nghỉ, sau đó C nảy sinh ý định sử dụng ma túy nên gọi điện và nhắn tin qua facebook đặt mua của Võ A (sinh năm 1996) đã quen từ trước 500.000 đồng ma túy đá, kèm theo dụng cụ sử dụng đến nhà nghỉ Tứ Hải cho C; A đồng ý nhưng lúc này A đi ngoài đường chỉ cầm theo dụng cụ sử dụng ma túy gồm nỏ thủy tinh và ống hút trong bóp xe, không mang ma túy trên người nên đến lúc 12 giờ 06 phút cùng ngày, A đến nhà nghỉ Tứ Hải cầm theo 01 nỏ thủy tinh và 01 ống hút nhựa, A gặp bà Huỳnh Thị V (sinh năm 1965) mua 01 chai nước ngọt, loại “7up” cầm vào phòng số 2 gặp C và Z; A ngồi lắp ráp bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá cho C rồi rời đi, chạy đến nhà của Phan Văn B (sinh năm 2002) nhờ đi cùng mình mua 02 bao củi gỗ mang về phòng trọ của A ở thôn Z5, xã L, tỉnh E. Lúc này C rủ thêm Trần Ngọc D (sinh năm 1991) tham gia sử dụng ma túy sẵn tiện mượn xe mô tô của D cho Z đi công việc. Đến khoảng 12 giờ 40 phút, D đến nhà nghỉ Tứ Hải, vào phòng của C thuê ngồi chơi. Sau đó D nhắn tin cho Nguyễn Đ (sinh năm 1983) đến nhà nghỉ Tứ Hải để lát chờ giúp mình về. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, Đ đi xe mô tô đến nhà nghỉ Tứ Hải thì D ra dẫn Đ vào phòng của C thuê ngồi chơi nói chuyện. Đợi lâu chưa thấy A đem ma túy đến nên C điện thoại lại cho A. Lúc này, A lấy 01 gói ma túy đá, bỏ vào trong gói thuốc lá Jet đưa cho B, bảo B đem đến nhà nghỉ Tứ Hải để giao cho C; B đồng ý nhận gói thuốc chứa ma túy của A đưa, điều khiển xe mô tô hiệu Suzuki Raider biển kiểm soát 69E1-607.01 của A đến nhà nghỉ Tứ Hải. Khi đến nơi B lấy khẩu trang gói hộp thuốc Jet chứa ma túy rồi vào phòng số 2 gõ cửa, D ngồi cạnh cửa ra vào nên mở cửa nhận ma túy gói trong khẩu trang màu trắng từ B, còn tiền mua ma túy C chưa đưa mà trả cho A sau. Sau khi nhận được ma túy, D xé gói ma túy rồi bỏ ma túy vào nỏ thủy tinh, dùng bật lửa đốt nóng nỏ thủy tinh, rồi lần lượt đưa cho C, Z và bản thân D cùng sử dụng. Do biết Đ chưa từng sử dụng ma túy nên D đưa bình ma túy cho Đ và nói “anh hút thử 01 hơi cho biết”; Đ cầm bình ma túy lên hút vài hơi. Cả 04 người đang sử dụng ma túy thì C nghe tiếng gõ cửa bên ngoài nên cầm bộ dụng cụ sử dụng ma túy đang sử dụng còn 01 ít ma túy trong nỏ, chạy vào nhà vệ sinh giấu sau gương treo trên tường.

Khoảng 14 giờ 40 phút ngày 06 tháng 9 năm 2024, tổ Công tác của Công an huyện H phối hợp với Công an xã C4, huyện H, tỉnh K tiến hành kiểm tra hành chính phòng nghỉ số 02 nhà nghỉ Tứ Hải do bà Huỳnh Thị V quản lý, phát hiện Phan Minh C, Trần Ngọc D, Nguyễn Đ và Nguyễn Thị Z đang cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy và thu giữ 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đã gồm: 01 chai nước, hiệu 7up, kích thước (21,5 x 6)cm, trên nắp chai có đục 02 lỗ tròn; 01 lỗ gắn ống hút nhựa màu trắng, kích thước (19,5 x 8)cm; 01 lỗ gắn 01 nỏ thủy tinh, kích thước (15 x 3,5)cm, bầu nỏ dạng hình cầu, đường kính 1,5 cm, bên trong bầu nỏ bám dính tinh thể nghi ma túy. Kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể của Phan Minh C, Trần Ngọc D, Nguyễn Đ, Nguyễn Thị Z đều dương tính với ma túy, loại methamphetamine.

Bản kết luận giám định số: 424/KL-KTHS ngày 12/9/2024 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh K, kết luận: Chất rắn màu trắng bám dính bên trong bầu nỏ dạng hình cầu, đường kính 1,5 cm của 01 nỏ thủy tinh, kích thước (15x3,5)cm gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,1300 gam, là (loại): Methamphetamine.

Mở rộng điều tra xác định do cần tiền tiêu xài cá nhân và có ma túy để sử dụng nên từ giữa tháng 4/2024 đến ngày 06/9/2024, Võ A đã đặt mua ma túy đá (Methamphetamine) của một người tên M (không rõ lai lịch tại thành phố M1) mang về huyện H, tỉnh K chia nhỏ thành các gói ma túy có giá 300.000 đồng và 500.000 đồng để bán kiếm lời; A thu lợi 30.000 đồng khi bán được gói ma túy giá 300.000 đồng, thu lợi 50.000 đồng khi bán được gói ma túy giá 500.000 đồng. A sử dụng số điện thoại 0898832747 và facebook Võ A để liên lạc trao đổi và sử dụng 02 tài khoản ngân hàng của A có số tài khoản là 16120417-ACB và ngân hàng số 0898832747 – MB Bank để nhận tiền giao dịch mua bán trái phép chất ma túy. Trong khoảng thời gian trên, đã xác định được Võ A bán trái phép chất ma túy tổng cộng 37 lần với tổng số tiền 17.800.000 đồng, thu lợi 11.800.000 đồng cho Hà Huy Z2 (sinh năm 2002), Phan Đình Đ2 (sinh năm 1997), Lương Văn Đ3 (sinh năm 2002), Lê Thị V1 (sinh năm 2002), Trần Văn V2 (sinh năm 2000), Nguyễn Minh V3 (sinh năm 2002), Nguyễn V4 (sinh năm 2003) và Phan Minh C. Trong đó Phan Văn B mặc dù biết Võ A mua bán trái phép chất ma túy nhưng vì được A cho tiền và ma túy để sử dụng nên đã giúp A giao ma túy 02 lần cho Phan Minh C vào ngày 31/8/2024 và ngày 06/9/2024. Cụ thể:

- Võ A đã bán ma túy cho Hà Huy Z2 06 lần, tổng số tiền 3.300.000 đồng, cụ thể:

Lần 1 – ngày 22/4/2024: Bán 500.000 đồng;

Lần 2 – ngày 02/5/2024: Bán 300.000 đồng;

Lần 3 – ngày 08/5/2024: Bán 500.000 đồng;

Lần 4 – ngày 11/5/2024: Bán 500.000 đồng;

Lần 5 – ngày 14/5/2024: Bán 500.000 đồng;

Lần 6 – ngày 14/6/2024: Bán 1.000.000 đồng.

Tất cả các lần mua ma túy, V4 đều điện thoại cho A qua số 0898832747, sau đó V4 chuyển khoản trả tiền mua ma túy vào tài khoản ngân hàng của A; A đem ma túy để ở ven đường gần cầu M2, thuộc xã M3 rồi chỉ chỗ cho V4 đến lấy.

- Bán ma túy cho Phan Đình Đ2 01 lần với giá 300.000 đồng vào ngày 18/6/2024. Điều liên lạc, chuyển khoản tiền mua ma túy cho A và đến cổng chào xã C4, huyện H nhận ma túy của A.

- Bán ma túy cho Lương Văn Đ3 07 lần, tổng số tiền 3.600.000 đồng, cụ thể:

Lần 01: Bán 300.000 đồng vào cuối tháng 06/2024, sau đó cùng ngày tiếp tục bán 500.000 đồng, đều giao ma túy tại đường mới xã M3.

Lần 02: khoảng 03 ngày sau, bán 500.000 đồng ở gần cầu Bản thôn Hội Lộc, xã C4;

Lần 03: 500.000 đồng vào ngày 01/7/2024 ở cụm công nghiệp M3;

Lần 04: 500.000 đồng vào khoảng ngày 06/7/2024, giao ma túy tại ngã tư đường mới xã M3;

Lần 05: 500.000 đồng ma túy vào khoảng ngày 08/7/2024, giao ma túy tại ngã tư đường mới xã M3;

Lần 06: 500.000 đồng ma túy vào khoảng cuối tháng 7/2024, giao ma túy tại ngã tư đường mới xã M3;

Lần 07: 300.000 đồng ma túy vào khoảng giữa tháng 8/2024, giao ma túy tại ngã tư đường mới xã M3.

- Bán ma túy cho Lê Thị V1 03 lần, tổng số tiền 1.300.000 đồng, cụ thể:

Lần 01: 300.000 đồng vào đầu tháng 6/2024;

Lần 02: 500.000 đồng vào khoảng ngày 10/6/2024;

Lần 03: 500.000 đồng vào khoảng giữa tháng 8/2024.

Tất cả các lần mua ma túy đều nhận tại ngã tư đường trục xã W.

- Bán ma túy cho Trần Văn V2 09 lần, tổng số tiền là 4.500.000 đồng, cụ thể:

Lần 01 – ngày 26/7/2024: Bán 500.000 đồng;

Lần 02 – ngày 29/7/2024: Bán 1.500.000 đồng;

Lần 03 – ngày 30/7/2024: Bán 500.000 đồng;

Lần 04 – ngày 31/7/2024: Bán 500.000 đồng;

Lần 05 – ngày 02/8/2024: Bán 500.000 đồng;

Lần 06 – ngày 03/8/2024: Bán 500.000 đồng;

Lần 07 – ngày 12/8/2024: Bán 500.000 đồng.

Tất cả các lần mua ma túy này V2 đều điện thoại cho A để đặt mua ma túy rồi chuyển khoản cho A, A để ma túy sẵn ở ven đường ngã tư đường trục xã M3 cho V2 tự đến lấy.

- Bán ma túy cho Nguyễn Minh V3 03 lần, tổng số tiền 1.300.000 đồng, cụ thể:

Lần 01 – ngày 28/5/2024: Bán 500.000 đồng;

Lần 02 – ngày 24/7/2024: Bán 300.000 đồng;

Lần 03 – ngày 19/8/2024: Bán 500.000 đồng.

Tất cả các lần V3 đều chuyển khoản cho A, A mang ma túy đến trụ điện tại ngã tư đường trục xã W, huyện H rồi gọi điện V3 đến lấy.

- Bán ma túy cho Nguyễn V4 03 lần vào các ngày 17/6/2024, 20/6/2024 và 05/7/2024 mỗi lần 500.000 đồng, tổng số tiền 1.500.000 đồng; Tất cả các lần V4 đều chuyển khoản cho A, A mang ma túy đến để ở gần chân cầu Hai Quê xã C4, rồi gọi điện V4 tự đến lấy.

- Bán ma túy cho Phan Minh C 05 lần, với tổng số tiền 2.000.000 đồng. Trong đó, A đưa ma túy để Phan Văn B giao cho C 02 lần vào ngày 31/8/2024 và ngày 06/9/2024. Cụ thể:

Lần 01: Vào ngày 14/8/2024 A bán 500.000 đồng ma túy đã đem đến dán trên cửa sắt cổng ngõ nhà C, C tự lấy rồi chuyển khoản cho A;

Lần 02: Vào ngày 22/8/2024 A bán 500.000 đồng ma túy đã đem đến nhà giao cho C và nhận tiền chuyển khoản;

Lần 03: Vào tối ngày 30/8/2024, C gọi điện và nhắn tin facebook cho A mua 01 cái năm ma túy đá với giá 500.000 đồng, A đồng ý và bảo C chuyển tiền trước nhưng C nói A cho C nợ sẽ trả tiền sau, A nói với C mình không có ở nhà

có gì nhờ Phan Văn B đem ma túy về đưa cho C nhưng đến khoảng 15 giờ ngày 31/8/2024 A mới nhờ Phan Văn B đem ma túy đến nhà giao trực tiếp cho C, sau đó B đi về. A trả công cho B bằng việc cho ma túy B để sử dụng. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, C chuyển khoản 500.000 đồng vào tài khoản của Võ A để trả tiền mua ma túy.

Lần 04: Vào ngày 03/9/2024 C nhắn tin facebook và điện thoại cho A đặt mua 500.000 đồng ma túy đá, A trực tiếp đem ma túy đến nhà C để giao cho C và nhận tiền chuyển khoản;

Lần 05: Bán 500.000 đồng ma túy đá và đưa cho Phan Văn B đem giao cho C tại nhà nghỉ Tứ Hải ngày 06/9/2024. B sau khi giao ma túy cho C về thì được A trả công cho 200.000 đồng và một ít ma túy sử dụng.

Ngay khi biết C bị bắt, A và B đã bỏ trốn khỏi địa phương; A bị bắt ngày 27/9/2024, B đầu thú ngày 06/11/2024 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Những người mua ma túy của Võ A đều khai nhận sau khi mua ma túy đã đem về sử dụng một mình hết. Kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể của Võ A, Hà Huy Z2, Trần Văn V2 dương tính với ma túy, loại methamphetamine. Phan Văn B, Phan Đình Đ2, Lương Văn Đ3, Lê Thị V1, Nguyễn Minh V3, Nguyễn V4 âm tính với các chất ma túy.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng phục hồi dữ liệu tin nhắn trong điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S20Ultra 5G, màu đen của Võ A. Bản kết luận giám định số: 2494/KL-KTHS ngày 23/12/2024 của Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận: Dữ liệu phục hồi: 05 tin nhắn trong ứng dụng Zalo và 17 tin nhắn trong ứng dụng Messenger; Dữ liệu trích xuất: 89 tin nhắn trong ứng dụng Zalo và 10239 tin nhắn trong ứng dụng Messenger; Không tìm thấy dữ liệu tin nhắn trong ứng dụng Tin nhắn và cuộc gọi trong ứng dụng điện thoại. Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm tra nội dung lưu trữ trong đĩa quang gửi kèm theo kết luận giám định phát hiện có một số tin nhắn trong ứng dụng Zalo, Messenger của A liên lạc bán ma túy nhưng không xác định được thông tin cụ thể của người mua.

** Về vật chứng vụ án:*

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã trích xuất, sao lưu dữ liệu camera tại nhà nghỉ Tứ Hải và nhà trọ Võ A thuê lưu trữ, ghi lại diễn biến án vào 03 đĩa DVD chuyển cùng hồ sơ vụ án.

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã tạm giữ và xử lý trả lại: 01 (một) xe mô tô hiệu Vision, biển số 77E1-705.29 cho Nguyễn Thanh C3 (vợ của Phan Minh C); 01 (một) xe mô tô hiệu AirBlade, biển số 77F1-436.11 cho

ông Trần Ngọc D1 (cha ruột của Trần Ngọc D); 01 (một) xe mô tô hiệu Wave, biển số 52T5-4024 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung A12, màu đen cho Nguyễn Đ; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu TCL, model T506T, màu đen cho Nguyễn Thị Z.

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã tạm giữ và chuyển giao Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh K (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 - E) bảo quản đối với các vật chứng:

+ Vỏ, bao bì đựng mẫu vật; 01 (một) nỏ thủy tinh, kích thước (15x3,5)cm, bầu nỏ dạng hình cầu đường kính 1,5cm và 0,1006 gam methamphetamine còn lại sau giám định được đựng trong 01 (một) bì thư có kích thước (26x18)cm dán kín niêm phong: dấu tròn Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh K, chữ ký của: Nguyễn Thị Bích Hạnh, Lê Thanh Tịnh, Ngô Thanh Chương. Trên bì thư ghi in dòng chữ: “Số: 424/KL-KTHS”; “Hoàn lại đối tượng giám định”; “Vỏ, bao bì đựng mẫu vật; 01 (một) nỏ thủy tinh, kích thước (15x3,5)cm, bầu nỏ dạng hình cầu đường kính 1,5cm và 0,1006 gam mẫu A còn lại sau giám định”;

+ 01 (một) chai nước, hiệu 7up, kích thước (21,5 x 6)cm, trên nắp chai có đục 02 lỗ tròn;

+ 01 (một) ống hút nhựa màu trắng, kích thước (19,5 x 8)cm;

+ 01 (một) khẩu trang màu trắng, kích thước (19,5x8)cm;

+ 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A92020, kiểu máy CPH1937, số IMEI1: 866967042970957; số MEI2: 866967042970940 màu xanh, trong điện thoại gắn sim số 0963370123 và 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A95, màu xanh, kiểu máy: CPH2365, số IMEI 1: 862823051437236, số IMEI2: 862823051437228, trong máy có gắn sim số: 0352817484 của Phan Minh C;

+ 01 (một) điện thoại di động, hiệu OPPO A17K, màu xanh, IMEI1: 865579062460214; IMEI2: 865579062460206, có gắn sim 0976289726 của Trần Ngọc D;

+ 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Raider, màu sơn đen, biển kiểm soát 69E1-607.01; 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 003588, nhãn hiệu SUZUKI, số loại: RAIDER, số máy: CGA1561733, số khung: RLSDL11ANNV 161739, biển số 69E1-607.01 tên Cao Trương Phi, sinh năm 2003, địa chỉ: Tân Bửu, Tân Hưng, Cái Nước, Cà Mau; 01 (một) bản photo Căn cước công dân số 096203007921, tên Cao Trương Phi, sinh năm 25/8/2003, địa chỉ: Ấp Tân Bửu, Tân Hưng, Cái Nước, Cà Mau; cấp ngày: 31/5/2021;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S20Ultra 5G, màu

đen, số IMEI: 352649112202773. Trong máy có gắn thẻ sim số 0376530239 của nhà mạng Viettel, trên thẻ sim có ghi 4G Viettel 8984048000336996994 được niêm phong trong 01 bì thư dán kín niêm phong có dấu tròn của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng và chữ ký của Dương Văn Thanh; Lê Minh Nhật.

(Có đặc điểm như biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng có trong hồ sơ vụ án).

Tại bản cáo trạng số: 07/CT-VKSPC, ngày 19/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh K (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - E) đã truy tố các bị cáo Võ A và Phan Văn B về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015; truy tố các bị cáo Phan Minh C và Trần Ngọc D về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thuộc trường hợp “Đối với 02 người trở lên” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - E trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Võ A và Phan Văn B về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015; truy tố đối với các bị cáo Phan Minh C và Trần Ngọc D về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thuộc trường hợp “Đối với 02 người trở lên” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và không có thay đổi bổ sung gì thêm.

* Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Võ A và Phan Văn B phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; tuyên bố các bị cáo Phan Minh C và Trần Ngọc D phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

* Về trách nhiệm hình sự:

- Đối với bị cáo Võ A: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; các Điều 38, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Võ A với mức án từ 08 (tám) năm đến 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam: 27/9/2024.

- Đối với bị cáo Phan Văn B: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; các Điều 38, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Phan Văn B với mức án từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm

giữ, tạm giam: 06/11/2024.

- Đối với bị cáo Phan Minh C: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; các điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51; các Điều 38, 58, 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Phan Minh C với mức án từ 05 (năm) năm đến 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam: 08/9/2024.

- Đối với bị cáo Trần Ngọc D: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; các Điều 38, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Ngọc D với mức án từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam: 08/9/2024.

* Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật, áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015:

- Tịch thu và tiêu hủy đối với vật chứng:

+ Vỏ, bao bì đựng mẫu vật; 01 (một) nỏ thủy tinh, kích thước (15x3,5)cm, bầu nỏ dạng hình cầu đường kính 1,5cm và 0,1006 gam methamphetamine còn lại sau giám định được đựng trong 01 (một) bì thư có kích thước (26x18)cm dán kín niêm phong: dấu tròn Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh K, chữ ký của: Nguyễn Thị Bích Hạnh, Lê Thanh Tịnh, Ngô Thanh Chương. Trên bì thư ghi in dòng chữ: “Số: 424/KL-KTHS”; “Hoàn lại đối tượng giám định”; “Vỏ, bao bì đựng mẫu vật; 01 (một) nỏ thủy tinh, kích thước (15x3,5)cm, bầu nỏ dạng hình cầu đường kính 1,5cm và 0,1006 gam mẫu A còn lại sau giám định”;

+ 01 (một) chai nước, hiệu 7up, kích thước (21,5 x 6)cm, trên nắp chai có đục 02 lỗ tròn;

+ 01 (một) ống hút nhựa màu trắng, kích thước (19,5 x 8)cm;

+ 01 (một) khẩu trang màu trắng, kích thước (19,5x8)cm;

+ 01 (một) bản phô tô Căn cước công dân số 096203007921, tên Cao Trương Phi, sinh năm 25/8/2003, địa chỉ ấp Tân Bửu, Tân Hưng, Cái Nước, Cà Mau; cấp ngày: 31/5/2021;

+ 01 (một) thẻ sim số 0376530239 của nhà mạng Viettel, trên thẻ sim có ghi 4G Viettel 8984048000336996994 được niêm phong trong 01 bì thư dán kín niêm phong có dấu tròn của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng và chữ ký của Dương Văn Thanh; Lê Minh Nhật.

- Tịch thu và sung ngân sách Nhà nước đối với các vật chứng:

+ 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Raider, màu sơn đen, biển kiểm soát 69E1-607.01; 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 003588, nhãn hiệu SUZUKI, số loại: RAIDER, số máy: CGA1561733, số khung: RLSDL11ANNV 161739, biển số 69E1-607.01 tên Cao Trương Phi, sinh năm 2003, địa chỉ: Tân Bửu, Tân Hưng, Cái Nước, Cà Mau;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S20Ultra 5G, màu đen, số IMEI: 352649112202773.

- Trả lại cho bị cáo Phan Minh C: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A92020, kiểu máy CPH1937, số IMEI1: 866967042970957; số MEI2: 866967042970940 màu xanh, trong điện thoại gắn sim số 0963370123 và 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A95, màu xanh, kiểu máy: CPH2365, số IMEI 1: 862823051437236, số IMEI2: 862823051437228, trong máy có gắn sim số: 0352817484 của Phan Minh C.

- Trả lại cho bị cáo Trần Ngọc D: 01 (một) điện thoại di động, hiệu OPPO A17K, màu xanh, IMEI1: 865579062460214; IMEI2: 865579062460206, có gắn sim 0976289726 của Trần Ngọc D.

Hiện các vật chứng trên đang được tạm giữ, bảo quản tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 - E.

*** Các biện pháp tư pháp khác:**

- Truy thu sung ngân sách Nhà nước toàn bộ số tiền bị cáo Võ A đã thu lợi bất chính từ việc thực hiện việc mua bán trái phép chất ma túy: 11.800.000 đồng. Bị cáo Võ A đã tác động gia đình là chị Võ Thị A5 – chị ruột của bị cáo A nộp 1.780.000 đồng để khắc phục hậu quả của vụ án theo biên lai thu tiền số 0004592 ngày 15/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh K (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 - E), nay được khấu trừ và buộc bị cáo phải nộp số tiền còn lại là 10.020.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

- Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền bị cáo Võ A đã trả công cho bị cáo Phan Văn B để đi giao ma túy: 200.000 đồng. Bị cáo Phan Văn B đã tác động gia đình là ông Phan Văn B1 – cha ruột của bị cáo B nộp 200.000 đồng để khắc phục hậu quả của vụ án theo biên lai thu tiền số 0004699 ngày 23/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh K (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 - E), nay được khấu trừ.

*** Về án phí hình sự sơ thẩm:**

- Bị cáo Trần Ngọc D được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

- Các bị cáo Võ A, Phan Văn B và Phan Minh C mỗi bị cáo phải chịu 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Trần Ngọc D – Bà Phan Thị Ngọc R – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Y phát biểu ý kiến: Thống nhất với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - E đã truy tố đối với bị cáo Trần Ngọc D. Bị cáo Trần Ngọc D phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, từ trước đến nay chưa có tiền án, phạm tội lần đầu, khai báo thành khẩn và ăn năn hối cải, phạm tội khi tuổi đời còn trẻ. Bị cáo có 01 tiền sự về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, đã chấp hành xong quyết định xử phạt ngày 24/6/2024, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính nhưng nay lại tiếp tục thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tuy nhiên mặt khác, bị cáo đã tích cực hợp tác điều tra để làm sáng tỏ nội dung vụ án, gia đình bị cáo Trần Ngọc D thuộc diện hộ cận nghèo, gia đình chính sách tại địa phương, bị cáo có cha là ông Trần Ngọc D1 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba, mẹ là bà Nguyễn Thị D2 là thương binh hạng $\frac{3}{4}$ - Huy chương kháng chiến hạng nhì, ông ngoại Nguyễn Ngọc D5 là liệt sĩ, bà ngoại Nguyễn Thị D6 là thương binh hạng $\frac{3}{4}$, bị cáo là lao động chính, hiện đang nuôi con nhỏ sinh năm 2016. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và xem xét đến hoàn cảnh gia đình của bị cáo có cha, mẹ, ông, bà ngoại của bị cáo đều là những người có công với cách mạng, áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để quyết định hình phạt cho bị cáo Trần Ngọc D, cho bị cáo D được hưởng mức hình phạt là năm 07 (bảy) năm tù.

Trong phần tự bào chữa, các bị cáo Võ A, Phan Văn B, Phan Minh C và Trần Ngọc D đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Trong phần tranh luận, các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Lời nói sau cùng các bị cáo thể hiện sự ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Xét về mặt thủ tục tố tụng: Trong các giai đoạn điều tra, truy tố, cơ

quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, có đủ căn cứ để xác định: ở các giai đoạn tố tụng này, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng được đảm bảo, các nguyên tắc trong tố tụng hình sự được tôn trọng và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hình sự.

[2]. Xét nội dung của vụ án và hành vi của các bị cáo thực hiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi diễn biến của vụ án như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo trước Tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như kết luận giám định, kết quả xét nghiệm ma túy trong nước tiểu và đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở chứng cứ và yếu tố pháp lý kết luận:

Methamphetamine là chất ma túy gây nghiện, rất nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của con người, Nhà nước độc quyền quản lý và nghiêm cấm mọi tổ chức, cá nhân mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép.

Đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo Võ A và Phan Văn B: Vì cần tiền tiêu xài cá nhân và có mục đích sử dụng trái phép chất ma túy, từ giữa tháng 4/2024 đến ngày 06/9/2024, Võ A đã đặt mua ma túy loại Methamphetamine từ thành phố Hồ Chí Minh về bán trái phép chất ma túy trên địa bàn huyện H (tỉnh K cũ) cho Hà Huy Z2, Phan Đình Đ2, Lương Văn Đ3, Lê Thị V1, Trần Văn V2, Nguyễn Minh V3, Nguyễn V4, Phan Minh C tổng cộng 37 lần với tổng số tiền 17.800.000 đồng, thu lợi 11.800.000 đồng, Phan Văn B mặc dù biết Võ A mua bán trái phép chất ma túy nhưng vì được A cho tiền và ma túy để sử dụng nên đã giúp A giao ma túy 02 lần cho Phan Minh C vào các ngày 31/8/2024 và ngày 06/9/2024 do đó Phan Văn B đồng phạm với Võ A về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” thuộc trường hợp: Phạm tội 02 lần trở lên.

Đối với hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo Phan Minh C và Trần Ngọc D: Do có nhu cầu cùng sử dụng trái phép chất ma túy, Phan Minh C đã mua ma túy của Võ A và cùng với Trần Ngọc D, Nguyễn Thị Z và Nguyễn Đ tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, trong đó, Trần Ngọc D là người nhận ma túy, xé gói ma túy cho vào nỏ thủy tinh, trực tiếp đốt nóng nỏ thủy tinh cho ma túy chảy ra để tổ chức cho 04 người cùng sử dụng vào chiều ngày 06/9/2024 tại phòng số 2 nhà nghỉ Tứ Hải (ở thôn F, xã C4, huyện H, tỉnh

K nay là thôn F, xã G, tỉnh E), tất cả đang tổ chức sử dụng thì bị phát hiện tạm giữ.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh K (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - E) truy tố các bị cáo Võ A và Phan Văn B về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015; truy tố các bị cáo Phan Minh C và Trần Ngọc D về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thuộc trường hợp “Đối với 02 người trở lên” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử kết luận: Các bị cáo Võ A và Phan Văn B phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015; các bị cáo Phan Minh C và Trần Ngọc D phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thuộc trường hợp “Đối với 02 người trở lên” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3]. Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi của các bị cáo là hành vi rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến những quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng các chất ma túy, gây mất trật tự an toàn xã hội ở địa phương gây xôn xao trong quần chúng nhân dân, do đó cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài để răn đe, giáo dục các bị cáo cũng như phòng ngừa chung. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm khắc theo quy định của pháp luật hình sự.

[4]. Xét tính chất đồng phạm trong vụ án:

- Đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo Võ A và Phan Văn B: Các bị cáo Võ A và Phan Văn B cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội nhưng chỉ mang tính đồng phạm giản đơn. Bị cáo Võ A là người khởi xướng, giữ vai trò chính, trực tiếp thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy, còn bị cáo Phan Văn B tham gia với vai trò giúp sức, đi giao ma túy 02 lần cho bị cáo A để được A cho tiền và ma túy để sử dụng nên cần xử lý nghiêm khắc, trong đó bị cáo A trực tiếp mua bán nhiều lần nên hình phạt của bị cáo A phải cao hơn bị cáo B.

- Đối với hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo Phan Minh C và Trần Ngọc D: Các bị cáo Phan Minh C và Trần Ngọc D cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội nhưng chỉ mang tính đồng phạm giản đơn,

không thể hiện sự chặt chẽ, trong đó, bị cáo C là người khởi xướng, đặt mua ma túy, bị cáo Trần Ngọc D là người trực tiếp nhận ma túy và cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên cần xử lý nghiêm khắc.

Do đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng quy định tại Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm đối với các bị cáo tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[5]. Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[5.1] Về nhân thân:

- Bị cáo Phan Văn B có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

- Các bị cáo Võ A, Phan Minh C chưa có tiền án, tiền sự nhưng các bị cáo Võ A, Phan Minh C và Trần Ngọc D có nhân thân xấu, cụ thể: Bị cáo Võ A đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản”, bị cáo Phan Minh C bị Tòa án nhân dân huyện H xử phạt về tội “Cố ý gây thương tích, đã chấp hành xong hình phạt và được xóa án tích; bị cáo Trần Ngọc D không có tiền án nhưng có 01 tiền sự về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, đã chấp hành xong quyết định xử phạt nhưng chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

[5.2] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5.3] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, do đó Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho 04 bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ này.

Bị cáo Võ A đã tự nguyện tác động gia đình là chị Võ Thị A5 – chị ruột của bị cáo A nộp tiền để khắc phục hậu quả của vụ án. Bị cáo Phan Văn B sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã bỏ trốn khỏi địa phương nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định truy nã đối với bị cáo nhưng sau đó bị cáo đã tự nguyện đầu thú khai nhận hành vi phạm tội, mặt khác, bị cáo B đã tự nguyện tác động gia đình là ông Phan Văn B1 – cha ruột của bị cáo B nộp tiền để khắc phục hậu quả của vụ án. Do đó Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 cho các bị cáo A và B.

Quá trình điều tra, bị cáo Phan Minh C đã có đơn tố giác tội phạm, tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra để sớm làm rõ hành vi mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo Võ A và Phan Văn B nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo có ông nội Phan Đình C6 và bà nội Trình Thị C7 là liệt sĩ, cô ruột Phan Thị C8 - thương tật 41% hạng 3/8, Huân chương kháng chiến hạng nhì nên Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình, người thân của bị cáo có công với cách mạng, áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo C.

Bị cáo Trần Ngọc D đã tích cực hợp tác điều tra để làm sáng tỏ nội dung vụ án, gia đình bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo tại địa phương, bị cáo có cha là ông Trần Ngọc D1 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba, mẹ là bà Nguyễn Thị D2 là thương binh hạng $\frac{3}{4}$ - Huy chương kháng chiến hạng nhì, ông ngoại Nguyễn Ngọc D5 là liệt sĩ, bà ngoại Nguyễn Thị D6 là thương binh hạng $\frac{3}{4}$, bị cáo là lao động chính trong gia đình, hiện đang nuôi con nhỏ sinh năm 2016. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và xem xét đến hoàn cảnh gia đình của bị cáo có cha, mẹ, ông, bà ngoại của bị cáo đều là những người có công với cách mạng, áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 cho bị cáo D, xử lý bị cáo trong khung hình phạt theo quy định.

[6]. Các vấn đề khác:

Trong vụ án còn có những đối tượng liên quan, gồm:

- Đối với Nguyễn Thị Z và Nguyễn Đ có hành vi sử dụng ma túy với vai trò thụ hưởng, các đối tượng khác mua ma túy của Võ A về chỉ sử dụng một mình hết. Do đó Công an huyện H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là phù hợp.

- Đối với bà Huỳnh Thị V không biết việc Phan Minh C thuê phòng số 2 nhà nghỉ Tứ Hải do mình quản lý để Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan điều tra không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự mà xử phạt hành chính đối với bà Chiến là có căn cứ.

- Đối với đối tượng tên “M”, bị cáo Võ A khai gặp khi đi làm ở thành phố M1 và có zalo tên “M”; bị cáo A đã mua ma túy từ “M” 02 lần với tổng số tiền 6.000.000 đồng rồi về chia nhỏ bán, “M” gửi ma túy qua xe khách Bắc – Nam bỏ trong 01 hộp quần áo, A nhận rồi đưa tiền mặt thông qua nhà xe. Đến ngày

06/9/2024, khi nghe C bị bắt, A đã xóa mọi liên lạc với M cũng như dữ liệu liên quan đến việc mua bán ma túy. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không có tài liệu xác định nhân thân, lai lịch nên cần tách ra để tiếp tục điều tra xử lý.

[7]. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

- Tịch thu và tiêu hủy đối với các vật chứng là ma túy còn lại cùng với các công cụ được sử dụng trực tiếp vào việc phạm tội, cụ thể:

+ Vỏ, bao bì đựng mẫu vật; 01 (một) nỏ thủy tinh, kích thước (15x3,5)cm, bầu nỏ dạng hình cầu đường kính 1,5cm và 0,1006 gam methamphetamine còn lại sau giám định” được đựng trong 01 (một) bì thư có kích thước (26x18)cm dán kín niêm phong: dấu tròn Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh K, chữ ký của: Nguyễn Thị Bích Hạnh, Lê Thanh Tịnh, Ngô Thanh Chương. Trên bì thư ghi in dòng chữ: “Số: 424/KL-KTHS”; “Hoàn lại đối tượng giám định”; “Vỏ, bao bì đựng mẫu vật; 01 (một) nỏ thủy tinh, kích thước (15x3,5)cm, bầu nỏ dạng hình cầu đường kính 1,5cm và 0,1006 gam mẫu A còn lại sau giám định”;

+ 01 (một) chai nước, hiệu 7up, kích thước (21,5 x 6)cm, trên nắp chai có đục 02 lỗ tròn;

+ 01 (một) ống hút nhựa màu trắng, kích thước (19,5 x 8)cm;

+ 01 (một) khẩu trang màu trắng, kích thước (19,5x8)cm;

+ 01 (một) bản photo Căn cước công dân số 096203007921, tên Cao Trương Phi, sinh năm 25/8/2003, địa chỉ ấp Tân Bửu, Tân Hưng, Cái Nước, Cà Mau; cấp ngày: 31/5/2021;

+ 01 (một) thẻ sim số 0376530239 của nhà mạng Viettel, trên thẻ sim có ghi 4G Viettel 8984048000336996994 được niêm phong trong 01 bì thư dán kín niêm phong có dấu tròn của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng và chữ ký của Dương Văn Thanh; Lê Minh Nhật.

- Tịch thu và sung ngân sách Nhà nước đối với các vật chứng là công cụ, phương tiện liên lạc để trao đổi và di chuyển để mua bán, giao ma túy, cụ thể:

+ 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Raider, màu sơn đen, biển kiểm soát 69E1-607.01; 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 003588, nhãn hiệu SUZUKI, số loại: RAIDER, số máy: CGA1561733, số khung: RLSDL11ANNV 161739, biển số 69E1-607.01 tên Cao Trương Phi, sinh năm 2003, địa chỉ: Tân Bửu, Tân Hưng, Cái Nước, Cà Mau;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S20Ultra 5G, màu đen, số IMEI: 352649112202773.

- Trả lại cho bị cáo Phan Minh C: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A92020, kiểu máy CPH1937, số IMEI1: 866967042970957; số MEI2: 866967042970940 màu xanh, trong điện thoại gắn sim số 0963370123 và 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A95, màu xanh, kiểu máy: CPH2365, số IMEI 1: 862823051437236, số IMEI2: 862823051437228, trong máy có gắn sim số: 0352817484 của Phan Minh C.

- Trả lại cho bị cáo Trần Ngọc D: 01 (một) điện thoại di động, hiệu OPPO A17K, màu xanh, IMEI1: 865579062460214; IMEI2: 865579062460206, có gắn sim 0976289726 của Trần Ngọc D.

(Hiện các vật chứng trên đang được tạm giữ, bảo quản tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 - E).

[8]. Các biện pháp tư pháp khác:

- Truy thu sung ngân sách Nhà nước toàn bộ số tiền bị cáo Võ A đã thu lợi bất chính từ việc thực hiện việc mua bán trái phép chất ma túy: 11.800.000 đồng. Bị cáo Võ A đã tự nguyện tác động gia đình là chị Võ Thị A5 – chị ruột của bị cáo A nộp 1.780.000 đồng để khắc phục hậu quả của vụ án theo biên lai thu tiền số 0004592 ngày 15/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh K (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 - E), nay được khấu trừ và tiếp tục truy thu đối với bị cáo A số tiền còn lại là 10.020.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

- Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền bị cáo Võ A đã trả công cho bị cáo Phan Văn B để đi giao ma túy: 200.000 đồng. Bị cáo Phan Văn B đã tác động gia đình là ông Phan Văn B1 – cha ruột của bị cáo B nộp 200.000 đồng để khắc phục hậu quả của vụ án theo biên lai thu tiền số 0004699 ngày 23/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh K (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 - E), nay được khấu trừ.

[9]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Theo quy định tại các Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Trần Ngọc D thuộc hộ cận nghèo nên được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, buộc các bị cáo Võ A, Phan Văn B và Phan Minh C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - E tại phiên tòa cũng như lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Trần Ngọc D phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; các Điều 38, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Võ A và Phan Văn B;

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; các điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51; các Điều 38, 58 và 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Phan Minh C;

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; các Điều 38, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trần Ngọc D;

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 106, Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh:

1.1. Tuyên bố các bị cáo Võ A và Phan Văn B phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

1.2. Tuyên bố các bị cáo Phan Minh C và Trần Ngọc D phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Võ A **09 (chín) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam: 27/9/2024. Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án.

2.2. Xử phạt bị cáo Phan Văn B **07 (bảy) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam: 06/11/2024. Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án.

2.3. Xử phạt bị cáo Phan Minh C **05 (năm) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam: 08/9/2024. Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án.

2.4. Xử phạt bị cáo Trần Ngọc D **07 (bảy) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam: 08/9/2024. Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu và tiêu hủy đối với các vật chứng:

+ Vỏ, bao bì đựng mẫu vật; 01 (một) nỏ thủy tinh, kích thước (15x3,5)cm, bầu nỏ dạng hình cầu đường kính 1,5cm và 0,1006 gam methamphetamine còn lại sau giám định được đựng trong 01 (một) bì thư có kích thước (26x18)cm dán kín niêm phong: dấu tròn Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh K, chữ ký của: Nguyễn Thị Bích Hạnh, Lê Thanh Tịnh, Ngô Thanh Chương. Trên bì thư ghi in dòng chữ: “Số: 424/KL-KTHS”; “Hoàn lại đối tượng giám định”; “Vỏ, bao bì đựng mẫu vật; 01 (một) nỏ thủy tinh, kích thước (15x3,5)cm, bầu nỏ dạng hình cầu đường kính 1,5cm và 0,1006 gam mẫu A còn lại sau giám định”;

+ 01 (một) chai nước, hiệu 7up, kích thước (21,5 x 6)cm, trên nắp chai có đục 02 lỗ tròn;

+ 01 (một) ống hút nhựa màu trắng, kích thước (19,5 x 8)cm;

+ 01 (một) khẩu trang màu trắng, kích thước (19,5x8)cm;

+ 01 (một) bản phô tô Căn cước công dân số 096203007921, tên Cao Trương Phi, sinh năm 25/8/2003, địa chỉ ấp Tân Bửu, Tân Hưng, Cái Nước, Cà Mau; cấp ngày: 31/5/2021;

+ 01 (một) thẻ sim số 0376530239 của nhà mạng Viettel, trên thẻ sim có ghi 4G Viettel 8984048000336996994 được niêm phong trong 01 bì thư dán kín niêm phong có dấu tròn của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng và chữ ký của Dương Văn Thanh; Lê Minh Nhật.

- Tịch thu và sung ngân sách Nhà nước đối với các vật chứng:

+ 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Raider, màu sơn đen, biển kiểm soát 69E1-607.01; 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 003588, nhãn hiệu SUZUKI, số loại: RAIDER, số máy: CGA1561733, số khung: RLSDL11ANNV 161739, biển số 69E1-607.01 tên Cao Trương Phi, sinh năm 2003, địa chỉ: Tân Bửu, Tân Hưng, Cái Nước, Cà Mau;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S20Ultra 5G, màu

đen, số IMEI: 352649112202773.

- Trả lại cho bị cáo Phan Minh C: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A92020, kiểu máy CPH1937, số IMEI1: 866967042970957; số MEI2: 866967042970940 màu xanh, trong điện thoại gắn sim số 0963370123 và 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A95, màu xanh, kiểu máy: CPH2365, số IMEI 1: 862823051437236, số IMEI2: 862823051437228, trong máy có gắn sim số: 0352817484 của Phan Minh C.

- Trả lại cho bị cáo Trần Ngọc D: 01 (một) điện thoại di động, hiệu OPPO A17K, màu xanh, IMEI1: 865579062460214; IMEI2: 865579062460206, có gắn sim 0976289726 của Trần Ngọc D.

(Hiện các vật chứng trên đang được tạm giữ, bảo quản tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 - E).

4. Các biện pháp tư pháp khác:

- Truy thu sung ngân sách Nhà nước toàn bộ số tiền bị cáo Võ A đã thu lợi bất chính từ việc thực hiện việc mua bán trái phép chất ma túy: 11.800.000 đồng. Bị cáo Võ A đã tác động gia đình là chị Võ Thị A5 – chị ruột của bị cáo A nộp 1.780.000 đồng để khắc phục hậu quả của vụ án theo biên lai thu tiền số 0004592 ngày 15/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh K (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 - E), nay được khấu trừ và tiếp tục truy thu đối với bị cáo A số tiền còn lại là 10.020.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

- Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền bị cáo Võ A đã trả công cho bị cáo Phan Văn B để đi giao ma túy: 200.000 đồng. Bị cáo Phan Văn B đã tác động gia đình là ông Phan Văn B1 – cha ruột của bị cáo B nộp 200.000 đồng để khắc phục hậu quả của vụ án theo biên lai thu tiền số 0004699 ngày 23/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh K (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 - E), nay được khấu trừ.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm:

5.1. Bị cáo Trần Ngọc D được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

5.2. Các bị cáo Võ A, Phan Văn B và Phan Minh C mỗi bị cáo phải chịu 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND khu vực 3 - E;
- VKSND tỉnh E;
- Phòng Thanh tra, Kiểm tra và Thi hành án TAND tỉnh E;
- THADS tỉnh E;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**Phan Lê Lân**